

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân

Ông Lê Bình Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Gi, xã Ch, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Trọng Th, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thể hiện:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trọng Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H ngày 19/8/2014. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến anh sống ly thân hai năm nay, không quan tâm đến nhau. Chị Nguyễn Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con: Anh Th và chị T có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim Ph, sinh ngày 07/9/2014. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2022 của bị đơn anh Lê Trọng Th thể hiện:

Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H. Anh chị sống hòa thuận cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị T đề nghị ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý.

Về con: Anh Th và chị T có một con chung là cháu Lê Thị Kim Ph, sinh ngày 07/9/2014. Anh đề nghị để cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph. Hiện tại công việc của anh chưa ổn định nên chưa thể cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện:

Anh Lê Trọng Th và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi kết hôn, anh Th chị T sinh sống tại địa phương một thời gian, sau đó chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Việc anh chị mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị T đề nghị ly hôn với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Lê Trọng Th. Về con: Đề nghị công nhận anh Lê Trọng Th và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim Ph, sinh ngày 07/9/2014. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ph cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị T không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản và công nợ: Anh Th và chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị T phải chịu án phí theo luật định.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Trọng Th và chị Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Trọng Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, không tiến hành hòa giải.

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trọng Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Trọng Th và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thanh Hóa vào ngày 19/8/2014 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn và nên sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Anh Lê Trọng Th và chị Nguyễn Thị T đều thống nhất có một con chung là cháu Lê Thị Kim Ph, sinh ngày 07/9/2014 nên có cơ sở công nhận cháu Lê Thị Kim Ph là con chung của anh Th và chị T. Cháu Ph đã ở cùng chị T từ năm 2018 đến nay, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con và anh Th không phản đối, đồng thời để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt, học tập cũng như đảm bảo sự ổn định về tâm lý cho cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Ph cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Trọng Th.

Về con: Công nhận anh Lê Trọng Th và chị Nguyễn Thị T có một con chung là cháu Lê Thị Kim Ph, sinh ngày 07/9/2014. Giao cháu Lê Thị Kim Ph cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Trọng Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số AA/2021/0010961 ngày 28/7/2022. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Trọng Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

